

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

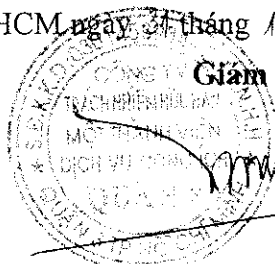
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	95.566.269.536	104.530.218.796
2. Các khoản trừ doanh thu nhà SHNN	02	VI.26	8.898.142.611	9.757.788.743
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.27	86.668.126.925	94.772.430.053
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	69.358.400.651	78.860.202.890
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		17.309.726.274	15.912.227.163
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	1.559.076.755	1.606.654.712
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	152.937.550	(97.390.400)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	25			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		11.277.132.059	9.930.070.205
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		7.438.733.420	7.686.202.070
11. Thu nhập khác	31		30.283.654	1.038.145.345
12. Chi phí khác	32		25.357	172.347.415
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		30.258.297	865.797.930
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		7.468.991.717	8.552.000.000
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	1.501.263.721	1.881.440.000
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		5.967.727.996	6.670.560.000
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71			

TP.HCM ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Thị Bao Trinh

Nguyễn Thị Minh Phượng

Vũ Thị Tường Vy